

Bài 62 PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 1 000 (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện được phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000.
- Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) trong phạm vi các số và phép tính đã học.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài tập có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính (bài tập về bớt một số đơn vị, bài tập về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị).

Phát triển năng lực

- Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.

- Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết các bài toán có lời văn nhằm phát triển năng lực giao tiếp.
- Lựa chọn được phép toán để giải quyết được các bài tập có một bước tính nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
- Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản nhằm phát triển năng lực giao tiếp.

II CHUẨN BỊ

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1. Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: HS biết cách thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000 (dạng mượn 1 chục) và vận dụng thực hành trực tiếp các kiến thức đó.

1. Khám phá

- Lấy bối cảnh cuộc nói chuyện giữa ba bạn là Nam, Việt và Mai. Câu chuyện được bắt đầu khi Việt lấy dây thun (hay còn gọi là dây chun hoặc dây cao su) xếp thành hình ngôi sao và khoe mình có 386 dây thun. Tuy nhiên, Nam lại có ít hơn Việt 139 dây thun và Mai có câu hỏi: “Nam ơi, cậu có bao nhiêu dây thun?” dẫn đến sự xuất hiện của phép trừ như trong SGK.
- Bối cảnh câu chuyện rất tự nhiên, giúp HS thích thú khi vào bài học cũng như thể hiện tính nhất quán của các tác giả trong cách tiếp cận. Từ câu chuyện thực tế, dẫn đến sự hình thành phép tính. Cách viết như vậy không chỉ khiến bài học trở nên hấp dẫn hơn mà còn thể hiện được rõ quan điểm kết nối tri thức với cuộc sống.
- GV hướng dẫn chi tiết kĩ thuật tính (như trong SGK) kết hợp thao tác thực hiện phép tính trên bảng.
- Lưu ý: Theo Chương trình môn Toán lớp 2 chỉ yêu cầu HS thực hiện phép trừ có nhớ 1 lần. Trong tiết 1, giới thiệu kĩ thuật đặt tính dọc phép trừ có nhớ dạng mượn 1 chục.

2. Hoạt động

Bài 1 và 2: Nhằm thực hành ngay kiến thức vừa học để thực hiện phép trừ (có nhớ dạng mượn 1 chục) trong phạm vi 1 000. Tùy theo khả năng tiếp thu của HS mà GV có

thể chọn hướng dẫn thêm 1, 2 ví dụ nữa. Với bài 2, HS cần đặt đúng phép tính trước khi thực hiện tính.

Bài 3: Giúp HS phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề gắn với việc giải bài toán lời văn có một bước tính. Bức tranh minh họa cảnh vườn ươm với Mai đang làm công việc lấy cây giống, Rô-bốt đang đẩy xe rùa trong khi Mi nhỏ hơn đang chạy nhảy vui chơi. GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

Số cây giống còn lại là:

$$456 - 148 = 308 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 308 cây giống.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ, bổ sung thêm dạng mượn 1 trăm) trong phạm vi 1 000; vận dụng vào giải quyết các bài toán thực tế.

Bài 1: Như là “khám phá” giúp HS thực hiện được phép trừ (có nhớ dạng mượn 1 trăm) trong phạm vi 1 000.

GV hướng dẫn HS thực hiện theo mẫu rồi kiểm tra kết quả.

Bài 2: Củng cố thực hiện phép trừ; tìm hiệu khi biết số bị trừ và số trừ.

Bài 3: Giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000 và ôn tập tính nhẩm các số tròn trăm.

Tình huống bài toán là bạn chuột đưa thư và đang cần tìm địa chỉ cho mỗi bức thư. Mỗi phép tính được ghi vào một bức thư, trong khi kết quả của phép tính là số nhà của các bạn: sóc, chim gõ kiến, chim chích và ong. Dạng bài tập tìm phép tính với kết quả của phép tính đó được thể hiện ở dạng “tìm địa chỉ cho mỗi bức thư” giúp HS tò mò, thích thú hơn trong quá trình làm bài tập. HS cần thực hiện phép tính ghi trên các bức thư, sau đó đối chiếu kết quả với số nhà để tìm địa chỉ cho mỗi bức thư.

Bài 4: Bài tập nhằm giúp HS phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề gắn với việc giải bài toán lời văn có một bước tính.

- Bài tập yêu cầu HS tính số người còn làm việc ở công ty vào cuối năm khi biết số người làm việc ở công ty đầu năm và số người nghỉ việc. Thông qua bài tập, HS vận dụng phép tính để giải quyết tình huống trong thực tiễn.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài. Chẳng hạn:

Bài giải

Số người đang làm việc ở công ty vào cuối năm là:

$$205 - 12 = 193 \text{ (người)}$$

Đáp số: 193 người.

Bài 5: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập việc thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000.

– Dạng bài tập tìm đường đi khá quen thuộc, nhưng được thiết kế dưới dạng “Rô-bốt tìm đường đến kho báu” nhằm giúp HS thích thú, tò mò hơn trong quá trình làm bài tập. Sách đưa ra một bản đồ với nhiều con đường khác nhau. Nhiệm vụ của HS là tính kết quả của các phép tính được ghi trên bản đồ, sau đó dựa vào thứ tự các số trên chỉ dẫn để tìm ra đường Rô-bốt đã đi.

– Kết quả: Rô-bốt có đến được kho báu.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 3. Luyện tập

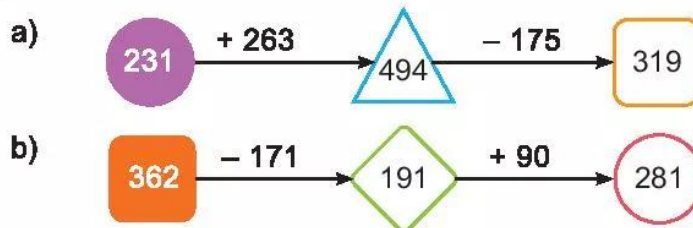
Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000; ôn tập về tính nhẩm các số tròn trăm; đồng thời ôn tập về thực hiện tính toán trường hợp có hai dấu phép tính; vận dụng vào giải các bài toán thực tế.

Bài 1: Giúp HS tính nhẩm dạng phép tính có số bị trừ là 1 000 và số trừ là số tròn trăm có ba chữ số. Mối liên hệ giữa phép cộng và phép trừ là cơ sở để tìm ra kết quả tính nhẩm.

Bài 2: Giúp HS ôn tập về thực hiện phép cộng, phép trừ cả trường hợp có nhớ và không nhớ trong phạm vi 1 000.

– Bài tập được thiết kế ở dạng các phép tính liên tiếp nhau từ trái sang phải với kết quả của phép tính này là thành phần trong phép tính kế tiếp.

– Kết quả:



Bài 3: Bài tập nhằm giúp HS phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề gắn với việc giải bài toán lời văn có một bước tính.

– Số lượng các huy chương trong bài tập chính là thành tích thực tế của Đoàn Thể thao Việt Nam khi tham gia Seagame 30 tại Philippines. Tình huống được đưa ra là

tính số huy chương Vàng của Đoàn Thể thao Việt Nam khi biết tổng số huy chương; biết số huy chương Bạc và Đồng.

- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

Số huy chương Vàng giành được là:

$$288 - 190 = 98 \text{ (huy chương)}$$

Đáp số: 98 huy chương Vàng.

Bài 4: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ có nhớ và không nhớ trong phạm vi 1 000, cũng như ôn tập về so sánh các số trong phạm vi 1 000. Thông qua việc trả lời câu hỏi, HS sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

- Dạng bài tập tìm phép tính có kết quả lớn nhất, nhỏ nhất được thiết kế dưới hình thức tìm số ghi sau mỗi chiếc áo. HS cần tính kết quả của các phép tính trừ sau đó so sánh các đáp số, trên cơ sở dựa vào màu sắc để tìm số trên mỗi chiếc áo.
- Kết quả: Áo màu đỏ mang số 126, áo màu vàng mang số 95, áo màu xanh mang số 106.

Bài 5: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000.

Dạng bài tập tìm phép tính sai và sửa lại cho đúng được lồng ghép vào tình huống Rô-bốt viết các phép tính trên bảng và Mai đứng bên cạnh quan sát với câu nói: “Cậu tính sai rồi!”. Điều này khiến bài tập trở nên sinh động và hấp dẫn hơn.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 4. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000; đồng thời ôn tập về so sánh số và đơn vị đo độ dài mét.

Bài 1: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000.

Dạng bài tập tính đơn thuần được lồng ghép vào câu chuyện: Mai đang đặt tính và tính các phép trừ trên bảng, trong khi Việt tinh nghịch lại xoá đi kết quả các phép tính. Nhiệm vụ của HS là giúp Mai tìm lại kết quả của các phép tính. Câu chuyện khiến dạng bài quen thuộc trở nên mới mẻ và hấp dẫn hơn.

Bài 2: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000.

Các ô trống được cho ở các vị trí khác nhau và đều liên quan đến tính có nhớ giúp HS ghi nhớ tốt về phép trừ có nhớ cũng như hạn chế hơn việc mắc sai lầm khi thực hiện phép trừ có nhớ.

Bài 3: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000.

– Dạng bài tập giải ô chữ. HS cần tính được kết quả của các phép tính rồi đối chiếu chữ cái tương ứng ở bảng thứ nhất, sau đó điền chữ cái vào bảng thứ hai rồi thêm dấu thanh để tìm ra ô chữ (TRUNG THỰC).

– Lưu ý:

- + Để tăng tính tương tác và hấp dẫn hơn với HS, GV có thể tổ chức thành trò chơi.
- + HS có thể không cần điền hết các chữ cái mà vẫn trả lời được ô chữ. GV nên khuyến khích và tuyên dương những HS nhanh trí như vậy.

Bài 4: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000.

Dạng bài tập tìm phép tính với kết quả của phép tính được thiết kế dưới dạng: “Tìm cây nấm cho mỗi bạn nhím”.

Bài 5: Bài tập nhằm giúp HS ôn tập về thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1 000, ôn tập về so sánh các số trong phạm vi 1 000 và ôn tập về đơn vị đo độ dài mét.

- Bài tập đưa vào độ cao thực tế của 4 ngọn núi nổi tiếng ở Việt Nam nhằm cung cấp thêm thông tin thực tế cho HS.
- Để tăng khả năng tương tác, GV có thể tiếp cận bài tập bằng cách đặt câu hỏi: “Hãy kể tên những ngọn núi mà em biết”.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài. HS cần trả lời đúng câu hỏi a. Các câu b và c, GV có thể cho HS giải và trình bày bài giải theo các bước giải của bài toán có lời văn. Chẳng hạn:

Bài giải

a) Núi Bà Đen cao nhất. Núi Ngự Bình thấp nhất.

b) Núi Bà Đen cao hơn núi Cấm số mét là:

$$986 - 705 = 281 \text{ (m)}$$

Đáp số: 281 m.

c) Núi Ngự Bình thấp hơn núi Sơn Trà số mét là:

$$696 - 107 = 589 \text{ (m)}$$

Đáp số: 589 m.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).